

ĐỌC TRUYỆN NGẮN PHẠM TÍN AN NINH

NGUYỄN HOÀNG QUÝ



Tôi biết đến nhà văn Phạm Tín An Ninh khi đọc truyện của anh lần đầu cách đây hơn 3 năm. (Hồi đó không hiểu sao không thử gõ tên anh trên Google để tìm thêm mà sau này, đọc được một số truyện nữa mới nghĩ ra?).

Vừa rồi, trang **tuongtri.com** được anh báo qua email cho đăng các truyện trên website chính thức của anh, báo tin hai tập truyện ngắn: “Ở Cuối Hai Con Đường” và “Rừng Khóc Giữa Mùa Xuân” vừa xuất bản ở ngoại quốc, tôi nhắn tin xin người cháu ở Mỹ. Không ngờ cháu và tác giả quen biết nhau từ trước, anh ký và viết lời đề tặng vợ chồng tôi. Tôi viết thư cảm ơn. Lại nghĩ rằng, để đáp lại điều mà người xưa gọi là “duyên tri ngộ”,

tôi ghi lại một số suy nghĩ về truyện anh viết đầu rằng đã có nhiều người làm việc này.

Truyện ngắn đầu tiên của Phạm Tín An Ninh tôi đọc được là “Về cái chết oan khuất của nhạc sĩ Minh Kỳ”, tác giả của hai bài hát về Nha Trang mà tôi say mê từ những năm trung học. Tôi đọc đi đọc lại không biết bao lần. Từ đó, tên tác giả hẳn trong tâm trí tôi với sự quý mến đặc biệt vì bài viết vừa mang tính thông tin vừa chia sẻ tâm trạng.

Tiếp tục tìm đọc các truyện ngắn khác của anh, tôi gặp được nhiều truyện rất ấn tượng mà hai trong số đó là “Câu bé đánh giầy người Nghĩa Lộ” và “Ở cuối hai con đường” liên quan đến những năm tác giả ở tù ngoài Bắc. Có hai tập truyện trong tay, càng tìm thấy nhiều truyện hay, đánh động sâu sắc lên tâm hồn mình mà ít có nhà văn nào, kể cả những nhà văn nổi tiếng tôi đọc nhiều từ trước đến nay được như vậy. Tôi nghĩ cái chính là do điều mà tôi gọi là “chia sẻ tâm trạng”. Truyện của anh đánh động tâm tưởng mình vì nội dung xoay quanh vết thương tâm hồn của người lính VNCH, quanh niềm căm phẫn vì người bạn đồng minh phản bội để những người lính kiêu hùng của quân đội phải buông súng một cách bất ngờ và đầy tức tưởi. Truyện của anh cũng, nơi này nơi khác, lúc này lúc khác kể về tâm trạng những người Việt Nam xa xứ, mơ một ngày về lại quê hương nhưng quê hương ngày càng mịt mù và xa tít vì không thấy sự hòa giải dân tộc như nhà nước tuyên truyền trong khi tuổi tác những người vượt biển và đến Mỹ theo diện HO đều trên 70, 80 (“Những đàn chim thiên di”), (“Những điều mơ ước”).

PTAN không viết theo đơn đặt hàng của những người chống cộng ở ngoại quốc mà viết để bộc bạch tâm tư, kể lại những trần trối của mình trong những tháng năm cầm súng mà “Tổ quốc – Danh dự – Trách nhiệm” luôn là lý tưởng hàng đầu, về những tháng năm tù tội và cả sau này, khi sinh sống ở vùng đất tự do. Suốt những tháng năm đó, tình bạn nổi lên rõ nét bao nhiêu thì niềm căm thù của người lính đối với sự phi nhân của cộng sản sau khi chiếm miền Nam cũng rõ nét bấy nhiêu. Tình bạn trong chiến đấu của Trần Công Lam, Đặng Trung Đức, Phùng trong “Người con gái Phú Hòa”, với Lê Minh Thống trong “Đà Lạt trời mưa”, với Di trong “Chiếc nhẫn”, với Lâm Ni trong “Chuyện

người bạn học” và bằng bạc trong một số truyện khác đều đẹp vô ngần. Tình bạn giữa Narziss và Goldman trong “Đôi bạn chân tình” của Herman Hess hay tình bạn giữa các nhân vật trong “Chiến hữu” (Les Camarades) của Erich Maria Remarque cũng chỉ đến thế.

Tôi cũng rất cảm phục tấm lòng của một viên hạ sĩ, là tài xế (của Di) đối với của viên sĩ quan chỉ huy ngày xưa của mình trong “Chiếc nhẫn”. Ở đời, rất khó kiếm một người trung thành như Lắm, tên anh, sống ở Cần Thơ nơi có ông chủ nhà giàu Hồng Hương là cơ sở “cách mạng”. Anh đã ba lần giúp đỡ “ông thầy” của mình, lần đầu khi Di vừa bị bắt đưa đến nhà giam, lần tiếp theo khi dất Hồng (vợ Di) tìm đến trại thứ hai thăm Di, giúp lần thứ ba là ra đến Nha Trang tìm Nguyệt, em gái của Di rồi đón Nguyệt và mẹ vào Cần Thơ để xin đưa con của Di về. Những giúp đỡ trên cùng với việc giấu Hồng, đưa lên Rạch Giá tìm cách để cô ấy vượt biên đã đưa đến cho Lắm một kết cục bi thảm: bị bắt và tra tấn đến chết!

Đọc PTAN, độc giả còn thấy một sự giằng co, giành giật giữa lẫn ranh Quốc – Cộng mà nạn nhân là những nông dân hiền hòa do sự phản bội hiệp định Genève 1954 của chính quyền miền Bắc. Đó là trường hợp của chị Ngà, một lòng sắt son với chồng trong “Chị Ngà”, của gia đình ông bác Hai, vừa nhận bằng liệt sĩ chưa bao lâu thì lo chôn người con cả là sĩ quan QLVNCH về hưu chết vì đói và sốt rét trong tù (“Giòng sông tuổi thơ” tr. 111). Một người khác là ông Năm Giăng có lúc là bác sĩ của cụ Hồ, về thăm quê, chở anh Cả đi thăm mộ của cha mẹ, gia đình, thấp nhang và khăn vái trước cả mộ thằng cháu mới chết. “Đứng trước các mộ bia, ông đều thì thầm với người đã khuất. Nhưng không ai nghe được là ông đã nói điều gì, nhất là với anh em con cháu đã chết dưới tay những đồng chí của ông”.(sđd, tr.111)

Tác giả không nói thẳng nhưng qua những truyện đọc được, dầu đã qua bốn mươi năm, hình ảnh người sĩ quan VNCH, cách riêng, những người xuất thân từ trường Võ Bị QGVN luôn được nhắc đến với niềm kính phục sâu sắc. Sự kính phục về tư cách, năng lực, tinh thần chiến đấu và nhất là lý tưởng quốc gia nơi họ. Khi mô tả trại tù ở Thượng Sơn, Nghĩa Lộ tác giả viết: “...Và cũng là nơi đã từng nhốt nhiều tù cải tạo từ miền Nam

chuyển ra, từ anh binh nhì TQLC bị bắt trận Hà Lào, cho đến hơn ba mươi tướng lãnh mà đa số đã không bỏ rơi đồng đội mình vào giờ thứ hai mươi lăm” (“Thằng bé đánh giày...” tr.141) Đặc biệt, truyện ngắn “Những cánh đại bàng qua cơn bão lửa” là bằng chứng hùng hồn nhất về tấm lòng tác giả đối với lớp người này nhân dịp dự họp mặt “Bảy mươi tuổi đời – Năm mươi tuổi lính” của những cựu sĩ quan VBQGVN khóa 17.

Anh PTAN nhiều lần nói với bạn bè, kể cả trong email gửi cho tôi rằng anh không có tham vọng trở thành nhà văn. Điều này có lẽ rất thật. Anh viết như kể chuyện, như ôn lại những quá vãng cả đón đau lẫn vàng son của mình, không than van, ít trách cứ, cứ như một người ở xa nhìn vào hơn là người trong cuộc dầu cái đón đau găm nhăm tâm hồn anh không ít và vết thương quá khứ lâu lâu lại tấy lên mỗi khi có điều kiện tái hiện. Văn anh không trau chuốt, không dụng công như của những nhà văn chuyên nghiệp làm người đọc có cảm giác như anh bất ngờ gặp lại một đồng đội cũ, kéo nhau vào một quán cóc ven đường kể chuyện ngày qua hơn là nghe anh đọc diễn văn trước hội nghị. Và có lẽ chính điều này, chính sự tự nhiên, mộc mạc cùng với những tình tiết bất ngờ, hấp dẫn và lời cuốn đọc giả để cứ muốn đọc hết truyện này qua truyện khác mà không thả sách xuống được.

Tôi cứ ao ước những tên như (bà) Vương Chu Khánh Hà, anh Nguyễn Văn Thà, nàng “Sylvie Vartan” Jacqueline Cuvéro Gauthier, Giáng Vân... là tên những con người thật, kể cả hai nhân vật tác giả đã tự đổi tên theo yêu cầu của họ: Nhất Anh, Nhị Anh là có thật. Có thật để cuộc đời này đẹp hơn, để những người trải lòng với cuộc đời được nhận từ cuộc đời những tưởng thưởng xứng đáng, để người đọc, dầu chưa hề quan tâm gì đến giáo lý nhà Phật thấy được lẽ nhân quả báo ứng, lý vô thường và thuyết nhân duyên. “Trời đất bao la” không để gì tác giả gặp lại mộ người yêu xưa khi xe hỏng trong một chuyến đi ngang qua nước Pháp!. Và chỉ có tấm lòng đối với Người bán sách trên bãi biển Nha Trang mà tác giả tìm lại mộ An Bình, cô em gái mà những lần tìm trước ngỡ như vô vọng. Những cơ duyên, những trùng hợp quá bất ngờ để khó tin là thật.

Từ câu nói ngây ngô của Thăng bé đánh giày...: “Bạn đồng đội của chú chắc là những người tốt”, từ lời hứa – rất trịnh trọng – với tác giả là ba thằng sẽ thường xuyên rủ nhau đến nghĩa trang quân đội Biên Hòa khi bốn người ghé thăm trên đường đi Vũng Tàu về, tôi nghĩ đây là một chi tiết tác giả cố ý đưa vào, rất tài tình, làm nên giá trị thật của truyện này. Xếp sách lại, tôi cứ mong rằng, trong một ngày không xa, bản dịch sang tiếng Anh của hai tập truyện sẽ được phát hành rộng rãi để các thế hệ F1, F2 của người Việt ở ngoại quốc hiểu thêm về một thời kỳ đau buồn trong lịch sử Việt Nam, đất nước mà ông bà cha mẹ các cháu phải bỏ đi đầu biết trước phải đối đầu với muôn vàn khó khăn, kể cả cái chết.

Một số kết cục trong các truyện là buồn, tất nhiên, nhưng với lời ghi cuối truyện, như là nói lên tâm trạng của mình, tác giả đã giúp người đọc vui đi những cảm thương lẫn bức xúc. Nhờ đó, truyện của Phạm Tín An Ninh đi vào lòng người nhẹ nhàng, thoải mái và độc giả luôn mong chờ những sáng tác mới của anh.

uploaded in HD @ TunesToTube.com

 <p style="text-align: center; font-size: small;">Xưởng Ngân Viên</p> <p style="text-align: center; font-weight: bold; font-size: large;">Nam Phong</p>		<p>CHƯƠNG TRÌNH ĐỌC TRUYỆN RADIO TIẾNG NƯỚC TÔI 1816 TULLY ROAD SUITE 206., SAN JOSE, CA 95122</p>
 <p style="text-align: center; font-size: small;">Xưởng Ngân Viên</p> <p style="text-align: center; font-weight: bold; font-size: large;">Phụng Dung</p>		<p><i>Tác phẩm :</i></p> <p style="font-size: x-large; font-weight: bold; margin: 0;">Cuộc Trùng Phùng Bỉ Thảm</p>
 <p style="text-align: center; font-size: small;">Xưởng Ngân Viên</p> <p style="text-align: center; font-weight: bold; font-size: large;">Cẩm Thu</p>		<p><i>Tác giả :</i></p> <p style="font-weight: bold; font-size: large; margin: 0;">Phạm Tín An Ninh</p>

WWW.RADIOTIENGNUOCTOI.COM

Một Y Sĩ Hải Quân Đi Tù Cải Tạo Tại Miền Bắc XHCN

Nguyễn Vĩnh Bình

Tôi thật rất có phước được là một y sĩ Hải Quân, và tôi là y sĩ Hải quân duy nhất “được” đi tù “cải tạo” tại miền Bắc.

Nhiều người thương hại cho số phận hẩm hiu của tôi, nhưng tôi coi đó là một hân hạnh. Hân hạnh vì đất nước tôi trong cuộc tranh đấu cho Độc Lập, Tự Do, Dân Chủ đã trải qua một cuộc chiến anh dũng. Nay vì vận nước nghiêng ngả, đồng bào lâm cảnh lâm than đau khổ, chúng tôi bị đi đầy tận miền bắc thì kể như chúng tôi tiếp tục tham dự cuộc chiến trong phần đen tối nhất và đóng góp phần đời và xương máu để cùng chia xẻ với cái nhục mất nước chung của toàn dân.

Sau đây tôi xin ghi lại khoảng đời đó của chúng tôi:

I-Y Bạ trích ngang.

Tôi tốt nghiệp Y Khoa Đại Học năm 1965, và được trưng tập về phục vụ Quân Chung Hải Quân năm 1966. Được bổ nhiệm làm việc tại Vùng II Duyên Hải, ở Cát Lở, Vũng Tàu và Bệnh Viện Hải Quân ở Sài Gòn và Khối Quân Y thuộc Bộ Tư Lệnh Hải Quân.

Năm 1972, nhà tôi được Bộ Y Tế bổ nhiệm làm việc tại Trung Tâm Y Tế Toàn Khoa Long Xuyên. Tôi xin chuyển chuyên về làm tại Bệnh Xá Căn cứ Hải Quân Long Xuyên.

Năm 1973, tôi được biệt phái về làm việc ở Long Xuyên.

II-Cuộc đổi đời.

Thế rồi ngày 30-4-1975 đến.

Một tiểu đội Việt Cộng từ Bắc Vàm Cống rụt rè tiến về thành phố.

Không một tiếng súng.

Không có cảnh đau lòng của bọn cách mạng 30 nhiều nhưng đường phố.

Nhưng bỗng nhiên mọi việc đều thay đổi. Một bầu không khí ngột ngạt bỏ xuống. Phố xá vắng người. Tiếng ra rả tối ngày của các loa tuyên truyền là vang động duy nhất của một thành phố đang hấp hối trở thành thị xã của tỉnh Long Châu Hà của Việt Cộng, gồm Long Xuyên- Châu Đốc- Hà Tiên cũ.

Công an xử bắn một hai người.

Bệnh nhân Quân Y Viện Long Xuyên bị đuổi ra đường. Các bạn ở Quân Y Viện bị đưa về đâu không biết. Anh em chúng tôi ở Bệnh Viện Long Xuyên rồi thì cũng bị gom vào trung tâm cải huấn cũ. Nơi đây tập trung đầy đủ quân-dân-cán-chính của chế độ cũ. Nhanh chóng chúng tôi trở thành tù, mặc dù chánh sách “khoan hồng” bảo là “cải tạo viên”. Chúng tôi sớm biết thế nào là ngoan ngoãn tuân hành nội quy cách mạng.

Ban điều hành trại cho một anh lao công cũ của trại lên nhận thư của một số anh em chúng tôi nhờ chuyển tin tức về gia đình, để rồi nạp cho trại. Chúng tôi bị tập hợp lại và bị “lên lớp”. Những anh em gởi thư lên liền bị điều động đi biệt tích, còn lại chúng tôi bị làm nhục, hăm he đủ điều.

Sau nhiều cuộc “biên chế” (sắp xếp), dân số tập trung bị chuyển đi dần, mà không biết chuyển đi đâu.

Lối tháng 8/ 75, chúng tôi gồm 5 y sĩ thiếu tá biệt phái của Châu Đốc, Long Xuyên bị đưa qua trại giam tù binh cộng sản ở Cần Thơ. Lúc này, toàn thể quân nhân thuộc Quân đoàn IV đều bị tập trung, và cấp tướng và đại tá đã bị chuyển khỏi vùng, còn lại cấp trung tá, thiếu tá và một binh nhất. Anh này không biết do ai cố vấn, tự động trình diện cải tạo với cấp bậc thiếu tá, hy vọng sẽ được tốt nghiệp như thiếu tá cải tạo để le lối với đời. Bị phát giác, nhưng anh vẫn được giữ lại, có lẽ để được xử dụng theo dõi chúng tôi.

Một hôm chúng tôi đang lao động nhỏ cỏ, một anh bạn thì thầm nhận xét: Việt Nam Xã hội chủ nghĩa sang thiệt! Dùng toàn thành phần bác sĩ để làm việc nhỏ cỏ. Mà sang thật, họ bắt chúng tôi vào tù, chúng tôi phải tự mình biến chế tự làm ra từ chiếc ghế nhỏ để ngồi đến soạn thiếc để ngủ, từ hội trường đến nhà bếp, từ xây giếng đến đào nhà xí. Bếp núc cũng do chúng tôi xây, dĩ nhiên nấu nướng cũng do chúng tôi. Đồ ăn thức uống thì nói cho có, chỉ toàn rau úng, cá ôi, gạo ảm đầy sỏi cát. Khẩu phần thì ngày càng hạn chế. Trại cho như vậy là rất tốt để chuẩn bị chúng tôi vào học tập và đón nhận chân lý cách mạng và nếp song văn minh của Xã hội chủ nghĩa-

Bài học gồm 10 bài. Nội dung và cách giảng dạy rất sơ đẳng. Mục đích không phải là thuyết trình lý luận Chủ nghĩa vô sản, mà chính là để ghép chúng tôi vào tội phản quốc, chống cách mạng, là bắt chúng tôi phải nhận đã gây nhiều tội ác “trời không dung, đất không tha”, và phải thành khẩn khai tội lỗi càng nhiều càng tốt, càng khai nhiều tội thì càng sớm được cứu xét về lại với gia đình. Chúng tôi còn được khuyến khích, bắt buộc phải khai báo, phóng đại những “tội ác” có thật hoặc tưởng tượng của toàn thể các cấp của chế độ cũ. Dĩ nhiên là trại đã thất bại, chúng tôi đã “nín thở qua sông”, khai báo lấy có.

Sau cùng gần như toàn thể chúng tôi bị đưa ra miền Bắc.

III-Một chuyến ra đi, trên đất thù.

Vào tháng 6/1976, giờ “đền tội” đã đến. Giống như Tết Mậu Thân, ở Huế, vì sợ tôn đạn, hơn 3,000 đồng bào bị chôn sống trong những nấm mồ tập thể, giờ này, để khỏi mang tiếng diệt chủng như Pol Pot ở Cao Miên, chúng tôi bị đày ra miền Bắc để chết dần mòn, suy kiệt ở các trại lao tù hẻo lánh của Thượng du Bắc Việt.

Chúng tôi xuống những chiếc chiếc tàu sắt dài khoảng 20 thước tại Bình Thủy, Cần Thơ. Qua một khung vuông, chúng tôi leo xuống một hầm bí bùng chật hẹp vừa đủ chỗ để ngồi sát nhau. Suốt 4 ngày đêm, với nắp hầm được khép kín, tàu lên đênh không biết về đâu. Có anh trào phúng cho rằng: “chúng mình được đưa về phóng thích tại Sài Gòn trước sự chứng kiến của truyền thông quốc tế để chứng minh chính sách khoan hồng của

ché độ”, ai nấy đều ngao ngán, khoan hồng như thế này à? Cảnh người nô lệ thời trung cổ không thể tệ hơn.

Anh T.Đ.V, trung tá (dường như là bạn cột chèo với tướng Ng.C.K) huých tẹt cho rằng: Chúng nó đưa bọn mình ra Bắc chớ không có đưa đi đâu hết. Nghe ra ai nấy đều ngỡ ngàng. Miền Bắc xa vời lắm, đưa ra ngoài để làm gì?

Sau cùng thì đoàn tàu cũng cập bến. Vừa thoát ra khỏi hầm, ánh bình minh làm chói mắt sau những ngày trong bóng tối. “Xem kia, rặng núi nơi xa kia là rặng núi Bửu Long Biên Hòa, chúng mình sắp được về Sài Gòn rồi!” Đó là lần chót chúng tôi nghe nói đến 2 địa danh của miền Nam, vì hiện tại, chúng tôi đang đặt chân lên miền Bắc Xã hội chủ nghĩa, thành phố Vinh.

Xế chiều chúng tôi bị dồn vào những toa xe lửa để xuôi ra Bắc. Đường rầy xe lửa Xuyên Việt thời Pháp để lại, chiều ngang rất hẹp nên mỗi lần quẹo cua, thì xe chao đảo tưởng chừng như sắp ngã lúc nào không hay. Từ nay vĩnh viễn xa quê hương, sống chết có nghĩa gì!

Xe lửa chậm chạp đưa chúng tôi qua làng xã miền Bắc. Chúng tôi qua Thủ Đô Hà Nội nghèo nàn, vượt sông Hồng cạn nước, và đến một vùng đồi núi, cây cọ vùng Phú Thọ, đất của Tổ Hùng Vương. Trên toa xe có một linh mục già nhìn ngọn cây cọ xa xa, mắt chan chứa đồ lệ, vì đây là quê của ngài. Là người đã lìa bỏ quê làng để vào Nam 20 năm trước, nay nhìn lại cố quận qua khe vách của cửa xe tù, bảo sao mà cảm được nước mắt! Cha ơi, con xin chia xẻ và cảm thông với nỗi xót xa của Cha.

Tối đến, chúng tôi đến một nơi không biết là đâu, đèn đuốc lu mờ. Chúng tôi bị lừa xuống, và hồi hải bị đóc xuống một chiếc phà gỗ nhỏ. Chiếc phà được kéo bằng giây luộc xuống một khúc sông khá rộng. Đó là phà Yên Bái vượt qua sông Hồng. Chúng tôi bị tách rời thành nhiều toán, và rải rác phân phối khắp miền Tháp Bà, Lào Kay, Tuyên Quang, Cao Bằng, Sơn La ... Nhóm chúng tôi được chất lên những xe Molotova và vát vát đoàn xe rỗng rỗng vượt qua núi đồi. Thế là hết, chúng tôi sẽ được đem đi dẫu ở những đỉnh núi miền Thượng du, để rồi như bầy cua bị nhốt cùng chung một rọ, lần hồi gãy gọng gãy càng chết lần chết mòn. Đang mệt mỏi ngủ gà ngủ gật thì có tiếng quát: “tối rồi, tắt cả xuống hết, khẩn trương tập hợp ...”. Thì ra trời vừa sáng, một

khoảng đất trống đầy sương hiện ra trước mắt, chung quanh núi đồi, không thấy nhà cửa, trại lều... thật là hoang vắng, sơn dã. Quá xa lạ, ngỗ ngàng, chúng tôi như con người máy, lữ lượt làm theo lệnh. Tôi đến chúng tôi ngã người xuống đất đầy cỏ gai và sấu, ngủ một giấc không hồn.

Sáng hôm sau thức dậy, chúng tôi thấy còn sống vì còn nhận ra được mặt mày thân quen của bạn tù. Từng cuộn khói bốc lên sau các ngọn đồi chung quanh. À, bạn hữu mình cũng được phân phối quanh đây.

Chúng tôi thuộc Trại 6, Liên Trại 4 của Đoàn 776. Tất cả có 9 trại rải rác ở quận Phú Yên, tỉnh Sơn La, nghe nói cách Điện Biên Phủ 60km về phía tây.

Sau 3 tháng ổn định nơi ăn chốn ở, có nghĩa là làm tù con số không, với 2 bàn tay trắng chúng tôi đã xây dựng được trại, lán, và hàng rào tre chia cách các khu. Chúng tôi sống như những người tiền sử, không đèn đuốc, không dụng cụ, không 1 cây đinh, khúc sắt.

Tuy nhiên việc tầy nã không hề thiếu vắng. Nào hợp tổ, bình bầu, đấu tố (vâng đấu tố) nghĩa là kiểm thảo, tố cáo, vạch mặt, chửi bới, không thiếu mục nào.

Những thức ăn chúng tôi hầu được sau nhiều đợt khám xét cạn dần. Cái đói, và bệnh đã xuất hiện.

Trời đã cuối Thu, se sẽ lạnh. Từng cơn gió ào ào thổi qua ngọn cây. Chúng tôi bắt đầu ném mùi giá lạnh thượng du Bắc Việt.

Ngay sau khi đến đây được một tuần, một sáng đang tập hợp nhận lệnh công tác lao động trong ngày, một lán báo cáo vắng mặt 4 anh. Anh em xầm xì “trốn trại!” Ai nấy đều cảm phục nhưng đầy lo âu cho 4 anh, thầm mong các anh thoát khỏi.

Bảy ngày sau, bốn anh mình mấy sung vù, máu me, cùm trói như con vật, bị vệ binh kéo xệt về trại, và bị giam nhốt riêng ra. Về sau bị chuyển nào biết nơi nào. Cả năm sau, anh B, một trong 4 anh, vì bệnh phong, được chuyển về Bệnh Viện Yên Bái kể lại. Ngay ngày đầu, các bạn bàn với nhau và quyết định trốn trại. Các anh tích trữ khẩu phần ăn, muối, phơi khô. Tạm đủ, các anh rời trại vào buổi tối ló 11 giờ, tương đối dễ, vì vệ binh canh gác sơ sài. Nhóm gồm có một anh thiếu tá Biệt Động Quân, trước

có tham dự trận Điện Biên Phủ. Anh hướng dẫn đêm đi, ngày nghỉ, hướng về phía Tây, cố vượt biên giới Việt-Lào, để tìm đường đi Thái Lan ... Đến ngày thứ năm bị lộ vì quá đói, đào trộm sắn (khoai mì) của người Mường. Họ phát giác sắn bị đào, nên săn đuổi các anh ráo riết và bao vây các anh ở một ngọn đồi. Với giáo mác gậy gộc, họ lấn xả vào các anh, đánh đập, đâm chém, vừa la hét: “giết, giết bọn hút máu ăn thịt này, chính bọn này đã hãm hiếp, giết người, đốt làng xã của họ”. Toàn là những luận điệu tuyên truyền của nhà nước với người thiểu số.

Sau một hồi, tưởng là các anh đã chết, họ mới giao nộp cho công an xã và bọn này giải giao các anh cho bộ đội trại. Đó là trận đào thoát thất bại đầu tiên mà chúng tôi chứng kiến.

Một buổi sáng, chúng tôi gồm khoảng 14 anh em gồm y, nha, dược sĩ được chọn từ 9 trại về 1 nhà trảng xi măng duy nhất của liên trại để thành lập bệnh xá. Nhà này nghe nói trước là nhà tù Sơn La của thực dân Pháp, giam cầm các lãnh đạo cộng sản đầu thập niên 40. Cùng với 5 anh em được chuyển về từ các trại khác, chúng tôi bắt đầu vào việc chuyển nhà giam thành bệnh xá. Từ tay không, và không phải tay nghề, chúng tôi đã dựng nên được một nơi mà chúng tôi hy vọng các anh em đồng cảnh tù bị bệnh sẽ tìm được sự chăm sóc, hoặc ít nhất là sự an ủi cảm thông, vì chúng tôi thừa biết phương tiện y tế và thuốc men kể như là số không.

Quả vậy, sự hiện diện của chúng tôi, những người áo trắng, giữa cảnh tù tội, đã đem lại cho anh em tù một nguồn an ủi. Vì trong mấy tháng vừa qua, một số chúng tôi đã giúp nhiều đồng đội trong cơn bệnh hoạn, ngay cả đã giải phẫu một, hai trường hợp cứu cấp khá thành công, cán bộ, bộ đội cũng lén lút đến nhờ chúng tôi cứu chữa, hoặc xin thuốc “con nhộng” (Aureomycine, Terramycine...). Phần nào chúng tôi cũng có được sự nể nang âm thầm, nhưng vẫn phải chịu chung sự đối xử nhục nhã, thô bạo của kiếp tù. Nhất là trong những buổi học tập chính trị không thể thiếu.

IV-Lên đồi: xin nhận nơi đây là quê hương.

Anh em bệnh hoạn từ các trại được chuyển về. Có gì đâu để chữa trị, nhưng ít nhất cũng không phải lao động.

Và cái chết đầu tiên xảy ra: đó là một anh Trung Tá bị ung thư phổi giai đoạn cuối. Thật đau lòng. Tuyệt vọng không phải vì không thuốc chữa, nhưng mộng ước được chết giữa người thân yêu xa vời, mặc dù đã nhiều lần xin cứu xét.

Anh ra đi! Một kiếp người. Ai nấy đều tủi cho số phận của anh và cũng của chính mình.

Anh thứ hai là một trung tá của Quân đoàn II. Anh được chuyển đến để làm lao động cho bệnh xá. Anh rất yếu, bị “xơ gan cổ chướng” (Cirrhosis), anh cùng tôi nằm gần bên nhau. Anh rất hiền lành. Tôi không nghe anh than thở, xin hỏi thuốc men. Một tối, anh mửa ra máu và ra đi. Tôi tiễn người bạn tôi lên đồi.

Nhưng có một anh khi ra đi đã gây trong lòng tôi một nỗi buồn sâu đậm. Anh đến bệnh xá vì có vẻ khác thường: Thầm lặng và biếng ăn. Một đêm anh lên cơn làm náo động cả bệnh xá. Vệ binh ôm súng lên cò la hoảng: “Tù binh thoát trại”. Chúng tôi giữ yên được anh. Sáng ra, ban quản giáo ra quyết định cách ly (nhốt riêng) anh. Anh hoàn toàn mất trí. Tôi tình nguyện săn sóc anh. Tôi sống với anh 24/24 ở một chòi cách ly. Giữa mùa Đông giá lạnh, sống và chăm sóc một người lú lẫn nặng không phải dễ. Ban ngày đút cho anh ăn chiếm cả thì giờ. Tối lại, anh thường lên cơn, vì bóng tối khiến cho anh hoảng sợ, tôi phải canh anh suốt canh dài. Cả một sự kiên nhẫn, ân cần giữ anh sống được qua ngày. Rồi anh yếu dần và ra đi sau một cơn động kinh. Tôi chăm sóc anh như một người thân. Anh đi rồi, tôi buồn lắm.

Một buổi tối, cận Tết, chúng tôi nhận lệnh đón một bệnh nặng từ Trại 9 chuyển đến. Đến 4 giờ sáng anh mới được vồng đến (anh nằm trên vồng do hai anh gánh đến). Anh bị bệnh viêm màng bụng (peritonitis) đã 2 ngày, tình trạng rất nguy kịch. Cán bộ ra lệnh “phấn đấu giải phẫu!” Trại mộc gần bên “khẩn trương” đóng bàn giải phẫu. Anh V.T.A (cựu Thứ Trưởng Bộ Chiêu Hồi) được lệnh đi bệnh viện Phú Yên (cách 7-8 km) xin tiếp liệu y cụ và được phẩm cần thiết cho cuộc giải phẫu. Phải đến 2 giờ chiều anh mới về trại. Anh kê, anh phải chờ, Bác sĩ bệnh viện đang bận giải phẫu. Và bác sĩ quả thật đang mổ heo, vì ngày hôm nay là ngày bệnh viện được cấp 1 con heo. Bác sĩ mổ thịt chia bán cho nhân viên. Anh A. mang về được một chai nước cất, 2 ống ether, 2-3 cuộn băng. Thế thôi.

Chưa có ca giải phẫu nào mà có nhiều bác sĩ, dược sĩ tham dự như vậy, và cũng không có cuộc giải phẫu nào mà y dụng thô sơ đến như thế. Đánh thuốc ngủ bằng đồ ether qua một lớp bông gòn, bịt ngay lỗ mũi. Cuộc giải phẫu rất đơn giản. Thành bụng lép xẹp, không mỡ, bị rách mà không chảy máu (có máu đầu mà chảy). Ổ bụng có mũ, một cọng rễ (có lẽ là rễ một loại rau dại) đâm thủng thành ruột non mỏng dính. Phải nương tay lắm mới khâu được lỗ thủng. Và cũng vừa lúc bệnh nhân cựa quậy ra khỏi cơn mê vì đã hết ether từ lâu. Thành bụng không khâu, sợ bệnh nhân chết vì quá yếu, chịu đau không nổi.

Hai ngày sau, khi chúng tôi lao động trên núi, có tiếng keng từ Bình xá gọi về. Qua khỏi cổng, chúng tôi nghe: “Gi. đã địt được rồi!” Ai nấy đều mừng, đường ruột của anh Gi... đã hoạt động. Và chúng tôi có được những ngày Tết âm cúng bên cạnh đồng củi khô cháy rục giữa phòng, với sự bình phục của anh Gi., một Gi., cựu tiểu đoàn trưởng Biệt Động Quân vui tính và rất tiểu.

Sau Tết riêng mình tôi bị “biên chế”. Tôi người trẻ nhưt, bị tách rời để đi Yên Bái. Anh em ái ngại nhìn tôi trèo lên xe Molotova chở đầy bộ đội xa rời liên trại.

V-Bệnh viện Yên Bái, Đoàn 776.

Vào khoảng trưa, tôi qua phà Yên Bái, và được đến một ngọn đồi, menh mang giữa bao ngọn đồi- Nơi đây tôi gặp lại Ng. Tr. B., trung tá Công Binh trước cùng nằm bên nhau ở trại tù Cần Thơ. Anh và một nhóm anh em được điều động đến xây dựng một lều tạm để bắt đầu xây dựng bệnh viện xử dụng chung cho trung đoàn 776 và tù cải tạo.

Lần hồi tụ tập thêm một nhóm anh em hạ sĩ quan Cảnh Sát Quốc Gia, trước bị giam ở Phú Quốc, và 3 bác sĩ tuyên mộ từ các trại Tháp Bà, Tuyên Quang, Nghĩa Lộ.

Chúng tôi lại xây dựng từ con số không, với 2 bàn tay trắng. Đến khi vào sinh hoạt, chúng tôi có 1 khu cho chỉ huy trại, khu cho cán bộ quản giáo, khu giải phẫu và điều trị cho đoàn 776, khu dành cho bệnh nhân cải tạo, một nhà chờ xuất viện, một khu nhà bếp, một gian nhà cho tù cải tạo phục vụ bệnh viện, và một khu cách ly.

Chúng tôi xây được một cái giếng ciment, và những cầu xí 2 ngăn.

Không bao lâu, bệnh viện lác đác nhận bệnh, bộ đội, cán bộ riêng, tù cải tạo riêng. Ba anh bạn bác sĩ được phân phối phục vụ bệnh viện, cùng với một số anh em già yếu. Tôi được sắp cùng với số còn lại để lao động nặng. Ngoài ra, có một số được chia ra để làm mộc, đóng bàn ghế, rương hòm cho cán bộ, và một số khác phụ trách trông trọt tăng gia nuôi cả trại.

Tôi ở đây từ đầu năm 1977 đến cuối năm 1978. Nơi đây tôi chứng kiến vực thẳm của tù đầy và sự vinh quang của sự đổi mới.

VI- Hai bạn trong số bạn hữu lại ra đi.

Đúng vậy, thời buổi này là tệ hại nhất. Thiếu ăn, rét lạnh, và dịch bệnh tàn phá chúng tôi không thương tiếc.

Không thăm nuôi, không tin tức gia đình, lao động nặng, khí hậu khắc nghiệt đã quật ngã chúng tôi. Chúng tôi là những xác không hồn, những sinh vật bò bốn chân, lê lét ba chân. Anh em chúng tôi thi nhau ra đi. Riêng tại bệnh viện, những anh em may mắn được chuyển đến, để rồi cũng tiếp tục ra đi. Làm gì được? thức ăn không có, lấy gì có thuốc mà cầm cự. Chúng tôi hết đào huyết rồi lại đào mồ. Chúng tôi liên tục vác các anh em chúng tôi nằm trong 6 tấm ván mục sơ sài xuống đồi. Có lắm lần đường đồi trơn trượt, chúng tôi chúi nhủi, hòm các anh rớt xuống, lăn đề lên chúng tôi. Đâu đó có tiếng cầu nguyện: “Quý anh ơi, xin ra đi thanh thản, chớ bận bịu mà ôm chúng tôi làm gì, tội chúng tôi lắm ...”

Tôi nhớ rõ hai trường hợp.

****Anh Ph Q T, trung tá giải ngũ.***

Anh bị sơ gan cổ chướng. Bụng to như trống châu, da bụng mỏng tanh. Trong gói quà mà tôi nhận được lần duy nhất từ khi ra Bắc, có một gói bột Bích Chi. Tôi đem tặng anh, anh không nhận. Tôi phải thuyết phục anh: “anh dùng đi, cái này rất tốt, vì theo phương pháp dưỡng sinh Nhật Bản, bột gạo lúc có rất nhiều chất bổ dưỡng trị được sơ gan”, Anh nhận, nhưng anh biết rõ tình trạng sức khỏe của anh. Một đêm, anh ọc ra từng bụm máu. Tôi

ngồi bên anh, giữ anh ngồi để máu không tràn vào phổi, anh thì thảo: Bác sĩ cho tôi nằm. Anh nằm xuống, gương mặt xanh xao, nhưng tỉnh táo: Bác sĩ, tôi yên tâm có bác sĩ bên cạnh, tôi chết không tiếc nuối. Bác sĩ có được thả về, nhớ ghé nhà tôi báo tin dùm.

- Anh T, tôi xin hứa. Anh có muốn tôi rửa tội cho anh không ?

- Xin Bác sĩ giúp tôi.

- Tôi rửa tội cho anh Phêrô T, Nhân danh Cha và Con và Thánh Thần.

Anh T lạnh dần và ra đi.

***Anh Trung Tú Lê Văn Ngôn,
người hùng Tống Lê Chân.**

Anh đến bệnh viện từ lúc bắt đầu. Anh bị bấu ác tính vòm họng, di căn qua các hạch ở cổ và vòm họng, bóp nghẹt khí quản và thực quản. Anh thở và ăn uống rất khó nhọc. Đáng anh rất thư sinh, một thư sinh rất ốm đang vật lộn với căn bệnh ngặt nghèo. Sáng nào cũng vậy, anh để cả tiếng đồng hồ để cố khạc nhổ đờm dãi ứ đọng trong cổ, để rồi dùng cả buổi để cố gắng nuốt thử hạt bo bo. Nếu có hình ảnh kiên trường chiến đấu cùng tử thần, thì đó là hình ảnh của anh. Hình ảnh thảm thương của cuộc chiến đấu vô vọng trong thẳm lặng anh dững (gémir, crier, ce n'est que lâche!), anh kéo dài được hơn một năm. Ngày cuối của anh là một đêm rất lạnh. Tôi ngồi cạnh anh, anh rất yếu, khó khăn lắm mới rút được một hơi mỏng manh. Anh bảo: “Chắc... tôi... chết”, tôi ái ngại xoa bóp lưng anh, tôi không biết nói chi.

Chôn cất anh xong, nhớ lại câu trối của anh: “Chắc tôi chết!”, tôi mới hiểu sự quyết tâm của anh chống lại cái chết để anh về với gia đình, cho đến hơi thở cuối cùng anh mới: “Chắc tôi chết”. Anh Ng ơi, người chiến sĩ già không bao giờ chết, họ chỉ thoáng qua thôi.

VII-Những Tướng VNCH đã qua Bệnh Viện Yên Bái.

***Chuẩn Tướng Phạm Hà Thanh,**

Cục Trưởng Cục Quân Y đến bệnh viện không phải để được điều trị, mà chỉ để tạm trú qua đêm, để hôm sau xuôi về

Nam, có lẽ để được phóng thích. Chúng tôi rất vui mừng, “hồ hởi” vì ông là người đầu tiên thoát khỏi thiên đường Cộng sản.

****Thiếu Tướng Đoàn Văn Quảng,***

Cựu Tư lệnh Lực Lượng Đặc Biệt đến bệnh viện vì bị đau dạ dày. Là tướng lĩnh của Quân lực VNCH, ông không bao giờ hạ mình tuân lệnh nội quy bệnh viện là nghiêm chỉnh đứng chào cán bộ mỗi khi họ vào phòng. Bọn nhóc thì vô cùng tức giận, hoành hợe chửi rủa cộc cằn. Chúng liền trả ông về trại cũ. Có sao, ở đây cũng chẳng có thuốc men, khác chi ở trại. Tôi được biết ông mất một thời gian sau đó, và cũng chẳng có thuốc thang gì.

****Thiếu Tướng Nguyễn Xuân Trang,***

Bộ Tổng Tham Mưu, được đưa đến bệnh viện trong cơn đau đớn tột cùng của Acute Glaucoma Crisis (cơn đột phát tăng nhãn áp cấp tính). Ông đến không đúng lúc vì lúc đó bệnh viện đang có một phái đoàn y tế cao cấp đến công tác, phổ biến và nâng cao trình độ y-học cho cán bộ bệnh viện. Họ đem trường hợp của ông để giảng dạy và phô trương. Họ đem ông vào phòng mổ, và biểu diễn tài giải phẫu, bằng mổ và móc mắt ông. Đây là cách điều trị siêu hạng của xã hội chủ nghĩa. Từ nay một Tướng VNCH nhờ được ta cứu, nhìn vinh quang cách mạng với một con mắt đầy cảm phục!

****Y Sĩ Thiếu Tướng Vũ Ngọc Hoàng,***

Cựu Cục Trưởng Cục Quân Y đến vì bị sa bẹn (hernia). Sở trường hợp của Thiếu Tướng Tr tái diễn, anh bạn Bác Sĩ Ph T L này nỉ xin được làm phụ mổ. May phước, Tướng H được tai qua nạn khỏi. Ông được xuất viện trả về trại cũ sau khi được mổ khá bình thường.

*Một ông Tướng của Thống Tướng Tưởng Giới Thạch, tình nguyện phục vụ cho Quân Lực VNCH được đưa đến bệnh viện vì bị đái ra máu do nhiếp hộ tuyến bị sung. Ông rất hề hà, nói không rành tiếng Việt. Không thuốc men gì, trả về trại thôi.

VIII-Một tù cải tạo hào hùng- Một bạn vàng.

*Ở bên Trại 4 Hoàng Liên Sơn có một cải tạo viên rất nổi tiếng. Từ Nam ra Bắc, anh có cuộc sống rất hào hùng, dọc ngang trời đất, trên đầu nào có ai. Anh sống rất hiên ngang, coi bọn cán bộ không ra gì. Anh có cái hay là lúc nào anh cũng thoát khỏi đòn

thù của bọn họ. Đó là Tiểu Đoàn Trưởng Nhảy Dù Nguyễn Lô. Tôi được kể lại khi ở trại Sơn La, một sáng ra ngoài lao động, đội đang đi thì có một thiếu phụ người Dao (đồng bào Dao rất nổi tiếng vì cái đầu tóc rất bù xù, một năm mới tắm gội một lần) đi ngược chiều. Anh Lô bỏ hàng ngũ và bước tỉnh bơ theo gót người đẹp và chung sống được một tuần. Nhớ bạn bè, anh lại trở về trại, không nghe nói anh bị hình phạt ra sao, chỉ biết một thời gian sau, anh được chuyển đến bệnh xá của các bạn đồng nghiệp cũ của tôi, vì chảy máu hậu môn (trĩ). Các bạn đồng nghiệp tìm cách chuyển anh về bệnh viện Yên Bái. Anh có đến gặp tôi và chuyển lời chào của các bạn cũ.

Một thời gian sau, anh xuất viện, nằm ở Khu chờ đợi trại cũ đến lãnh về. Một bữa lúc 4:30 giờ sáng anh âm thầm ra trại, đem theo quần áo bạn bè ra chợ Yên Bái đổi lấy thức ăn, bánh trái và ăn uống suốt ngày thoải mái. Đến 11 giờ đêm anh lục tục đi về. Trong nháy mắt, anh quăng phất tất cả bánh trái cho anh em, vừa đứng vệ binh chạy đến bắt và còng anh đi. Sáng sớm tôi ra giếng rửa mặt, gặp anh bị còng trói phoi người trong đêm lạnh. Tôi nhìn anh đầy thán phục, anh nhìn tôi mỉm cười coi như trò chơi. Anh thật là một hảo hán trong cũi lao tù.

*Đồng thời ở bệnh viện Yên Bái có một anh rất được mến mộ, anh Đại Úy Thiết giáp T.T.V. anh có dáng như một ông Địa, tay chân, bụng, mặt no tròn, sung phù. Cái miệng như lúc nào cũng cười toe toét. Anh bị viêm thận vô niệu, mỗi ngày chỉ đái được vài giọt nước đỏ lôm. Và cũng không có thuốc men gì cả. Trong gói quà tôi nhận được có ít viên B1 nội hóa, tôi đem cho anh uống. Do sự trùng hợp ngẫu nhiên, trong đêm anh đi đái được và đái rất nhiều. Sau 2 ngày, anh như ông già Michelin bị xì hơi thành một anh hề Hardy ốm lòi xương. Chúng tôi trở thành đôi bạn đầy cảm thông. Chúng tôi không nói gì với nhau nhiều, nhưng mỗi lần gặp nhau chúng tôi thấy vui trong lòng.

IX-Một sự hồi sinh.

Thời gian ở bệnh viện Yên Bái là thời gian khổ tâm vô cùng. Tôi tìm lại nguồn an ủi bằng cách ôn lại trong đầu, những bài giảng đạo khi tôi còn học trường Lasan Taberd. Một ông trung tá cho tôi mượn đọc một cuốn sách Kinh mà ông dấu được. Hằng

đêm tôi đọc kinh thầm và suy gẫm lời thánh kinh. Lần hồi trong tôi xâm nhập lòng thương xót và hoài niệm về Tình Thương. Cái đói lạnh, cái khổ thể xác và tinh thần vẫn còn đó, nhưng tôi cảm thấy dễ chịu hơn. Chung quanh tôi có rất nhiều gương của lòng tốt, tình người. Bọn tôi không ai có thể thoát chết mà về được với gia đình nếu không có sự giúp đỡ, chia xẻ, săn sóc và an ủi của anh em đồng cảnh tù. Về sau tôi được chứng kiến nhiều cảnh cảm động của những cụ già, những thiếu phụ xanh xao ốm yếu, những trẻ thơ gầy guộc bơ vơ, lặn lội từ xa, gồng gánh những gói quà ra nuôi và cứu chữa anh em chúng tôi. Chính tình yêu của gia đình đã vực chúng tôi khỏi vực thẳm của tử thần.

Tôi cũng đã chứng kiến, trong cảnh lao tù thiếu thốn, một số trong anh em chúng tôi đối xử đầy tình người với chính những kẻ đã đối xử chúng tôi như kẻ thù, và chúng tôi cũng giúp đỡ được đồng bào trong những trường hợp hy hữu. Ngược lại, không ít trường hợp chúng tôi cũng nhận được lòng tốt của cán bộ, vệ binh và đồng bào, tuy là lén lút.

X-Một thời buổi đáng ghi nhớ: Sưởi ấm ở Quảng Ninh.

Thuở đó, vào cuối năm 1978, có tin đồn có vấn đề biên giới Việt-Trung. Đoàn 776 có dấu hiệu “biên chế”. Khu dành cho Đoàn bị giải tán. Bên cải tạo thì có nhiều trường hợp chuyển trại. Còn lại một phần nhỏ để thanh toán trại và 40 anh em bệnh nhân quá yếu không thể chuyển trại được. Tôi được trại “bố trí” để lo cho 40 anh em này để chuyển tới một địa điểm mới.

Lần đầu tiên trại mượn 2 chiếc xe dân sự, loại Volkswagen 14 chỗ ngồi, chở chúng tôi về Quảng Ninh, một trại tù dân sự do Công An quản lý. Chúng tôi bị nhốt trong một phòng gạch có 2 hàng băng xi măng, có từng trên bằng gỗ làm giường ngủ. Nơi đây có 2 cụ già rất yếu, còn sót lại sau đợt chuyển trại của các viên chức cao cấp chế độ Cộng Hòa, trong đó có Đại Tá Văn Văn Cửa, cựu Đô Y trưởng Saigon. Một cụ là chủ lò Thủ Thiêm, một cụ là khóm trưởng. Hai cụ vì bị thù oán cá nhân với bọn cách mạng 30 địa phương mà bị đày ra đây.

Hằng ngày một trung úy công an với một tù hình sự đến mở cửa sắt, điem danh, cho tù hình sự đem nhiều bó tre đến để cho chúng tôi đan rổ rá. Chiều đến, ông ta đến kiểm điểm thành

quả lao động trong ngày và nhốt chúng tôi lại vào “chuồng” và đương nhiên là không có thuốc men cho mỗi ai. Ông chỉ định tôi chịu trách nhiệm anh em.

Những ngày đầu chúng tôi rất khốn khổ, chia ra từng nhóm riêng rẽ, và có xảy ra hục hặc tranh chấp. Một bầu không khí nặng nề khó chịu bao trùm chúng tôi, ai nấy nặng trĩu ưu tư, lo sợ. Cảnh thế này, thì khó tránh được điều tệ hại nhưt. Chúng tôi cùng quyết tâm với nhau:

- Không có thuốc, thì phải cố gắng tránh cho bệnh không trở nên trầm trọng.

- Không ăn uống đầy đủ, thì phải tiết kiệm năng lượng.

Làm sao?

- Lao động tối thiểu.

- Ngủ nhiều để dưỡng sức, vì mất ngủ sẽ hao mòn sức khỏe rất nhanh.

- Tránh buồn phiền ưu tư và gây gổ.

- Nâng cao tinh thần bằng vui ca, và tự hào về đời sống “ngụy” của chúng mình.

Từ đó chúng tôi làm việc cầm chừng. Nhiều anh sinh hoạt làm thơ, học đàn, sáng tác nhạc. Tối lại chúng tôi đàn, ca hát nhạc vàng, kể nhau thành tích quá khứ, truyện chường và truyện tiêu lâm. Và chúng tôi đi vào giấc ngủ lúc nào không hay. Chúng tôi có cuộc sống bất chấp kỷ luật và nội qui trại (cùi rồi đầu sớ lở). Cũng may, ông trung úy và cả trại dường như bỏ bê chúng tôi. Chúng tôi đâu có hay rằng chúng tôi được đoàn 776 chuyển đến đây để tạm trú, trong những ngày tháng giá lạnh của mùa Đông. Chúng tôi đã qua được những ngày lạnh giá mùa Giáng Sinh và mùa Tết 78-79 đáng ghi nhớ nhất, vì chúng tôi đã sống như con người của chúng tôi trước năm 75. Không một ai trong chúng tôi bị trở bệnh và mệnh hệ.

XI-Trại Mễ Nam Định, rửa tội và về Nam.

Ra xuân, vào tháng 4/79 chúng tôi được trả về trại Nam Hà do công-an quản trị. Chúng tôi được đưa đến trại Mễ, trại bệnh của hệ thống trại tù Nam Hà. Trại này ở ngoại ô Phủ Lý, Nam Định, cạnh một nhánh của sông Mã. Trại có rất nhiều anh em cải tạo bệnh nặng từ các trại tù Nam Hà chuyển đến. Hằng đêm tiếng

còi hú của đoàn tàu xuôi nam làm không ít anh em thức giấc đêm dài.

Tại đây chúng tôi bắt đầu được gia đình ra thăm nuôi, và trại cũng bắt đầu kinh doanh làm tiền bằng cuối tuần nấu phở bán cho cải tạo viên, hoặc trao đổi lén lút hàng hóa. Và cũng tại đây bắt đầu có những đợt phóng thích. Mỗi lần thấy một số trong 40 anh em chúng tôi được về xum họp cùng gia đình, trong tôi có một cảm giác mừng vui khó tả.

Đặc biệt nơi đây, cha H (tôi gọi thân mật như vậy) linh mục dòng Dòng Công đã rửa tội cho tôi dưới sự chứng kiến của một vài anh em Công Giáo.

Ban trật tự sắp xếp tôi làm công tác y tế cho trại. Đó là mỗi sáng sớm khám những anh em khai bệnh để khỏi lao động. Đã nói nơi đây là trại bệnh, nhưng ban điều hành lại vẫn bắt anh em lao động, dù là chẳng có gì, nhưng mục đích vẫn là đày ải. Vì vậy anh em nào không muốn lao động thì tôi cứ ghi thuận “miễn lao động”, cùng lắm thì tôi sẵn sàng bị đuổi, trở về cùng với anh em lao động.

Rồi một ngày tôi được kêu lên trại “làm việc”. Tôi bị bắt ký vào một tờ giấy khai tôi không bị hành hạ ở trong các trại cải tạo.

Hôm sau, một mình tôi bị chuyển trại. Tôi buồn và hoang mang, nhưng sau hàng rào, sao lại có một vài anh em vẫy tay chào tôi vui vẻ?

Tôi được đưa vào trại A, Nam Hà vào ngày lễ 2/9. Gặp lại một vài bạn các trại tù cũ, tôi được biết nơi bệnh xá trại này đã đã quy tụ các anh em đồng nghiệp đã ở cùng chung trại ở Sơn La.

Sáng hôm sau, chúng tôi độ 14 người được tập họp ở một khoảng sân trống. Nhìn lại toàn là anh em chúng tôi, đều là những Y Nha Dược sĩ của các trại tù miền Bắc. Một cán bộ tuyên bố: “Các anh được tự do, chúng tôi sẽ đưa các anh ra ga Hàng Cỏ, Hà Nội. Chúng tôi sẽ trao các anh vé tàu lửa và tiền lộ phí. Kể từ đây chúng tôi hết trách nhiệm về các anh.”

Chỉ có vậy, vào tù cũng không có lệnh, ra tù chỉ là lời nói! Tôi giữ lại một kỷ niệm với Thủ Đô Xã hội Chủ nghĩa bằng ăn một tô phở ở chợ Đồng Xuân. Tưởng là bát phở nổi danh của Hà

Nội 36 phố phường, nè đầu là tô phở nhạt nè xã hội chủ nghĩa mà ngay cả tôi, một tù cải tạo đói khát cũng không thương thức nổi!

XII-Từ tù nhỏ ra tù lớn.

Sau 4 ngày 5 đêm thì chúng tôi cũng về được đến Sài Gòn thân yêu. Ga Bình Triệu hơi vắng. Chúng tôi xuống sau cùng một vài bạn được gia đình đón rước. Rồi tất cả cũng rời đi, còn lại tôi và một anh bạn nha sĩ trẻ, không tiền, không thân nhân. Một bác phu xích lô máy đồng ý chở chúng tôi về nhà, trả tiền sau.

Mà nhà nào? Nhà tôi quanh chợ Bà Chiểu, gần rạp hát Cao Đồng Hưng nay còn đâu. Thôi thì về nhà ông bà già vợ ở đâu đó ở Hóc Môn. Trong thơ duy nhất mà tôi nhận được, ba má nhà tôi bị đuổi ra khỏi nhà ở trong nha Mục Súc, và có về Hóc Môn, ở ấp Cây Sộp làm trại nuôi heo. Bác xích lô máy chở chúng tôi qua Hạnh Thông Tây, đến chợ Cầu. Nơi đây có vài trại nuôi heo, và hỏi thăm trại của bác sĩ Tư. Và đây rồi, chúng tôi cũng tới được: “Ba má ơi, con về đây!”

Tiếng chó sủa rân, một ánh đèn dầu bật sáng. Em vợ tôi bật cửa chạy ra. Vào nhà, ba má già nua thấy rõ, nhìn hai chúng tôi ngõ ngàng và thương hại.

Hai tin tức đang chờ tôi.

- Má tôi và cả gia đình bên tôi đã vượt biên và hiện đoàn tụ cùng một người chị và một người anh đã ra đi từ 4/75. Ngoại tôi 84 tuổi cũng đi theo vượt biên, bà thở hơi cuối cùng khi vừa đặt chân trên đảo Bidong. Bà đã hy sinh cho con cháu được sống. Ngoại ơi, ngoại ... ơi.

- Tin thứ nhì là nhà tôi và thằng con trai 10 tuổi đang ở miền Bắc, tìm cách thăm nuôi tôi.

XIII-Một thiếu phụ, 2 con giữa giữa bầy thú dữ.

Nhà tôi là một trong 2 bác sĩ chế độ cũ còn lại phục vụ cho Bệnh Viện Long Xuyên. Nhà tôi phụ trách ngoại khoa và giải phẫu, làm việc rất bận rộn và vất vả. Cùng với toàn thể nhân viên chế độ cũ, nhà tôi được ban giám đốc và lãnh đạo đối xử như những công dân hạng hai (second class citizen). Vào thời bao cấp, ngân sông cấm chợ, nhà tôi và 2 con sống rất chật vật và thiếu

thốn như mọi người. Không được tin tức của tôi là nỗi đau lòng luôn luôn canh cánh bên lòng. Nhà tôi cần cỗi và tiêu tụy trông thấy.

Đã vậy có lắm lần bọn cách mạng tìm cách lại ve vãn nhà tôi. Có một anh chàng đến nói thẳng: "Thằng chồng của cô sẽ không bao giờ được thả về, có thể mới bắt cô ở lại phục vụ bệnh viện chớ. Cô nên sớm lo liệu cho cô đi!"

Rồi có lần hắn đến dẫn một cái cộp cây súng lục trên mặt bàn và nói: Nhiều khi lời nói không đem đến kết quả, thì vật này sẽ làm được việc. Cũng may, hắn ta, có lẽ có quá nhiều thành tích, nên bị chuyển công tác khỏi tỉnh.

Khi chuẩn bị vượt biên, má tôi cũng kêu nhà tôi cùng đi, bảo rằng: "Biết bao giờ thằng Bình mới được thả về!" Nhà tôi vâng lời. Trùng vào ngày nhà tôi và 2 con đi theo chị tôi xuống rước để xuống ghe trốn đi, thì nhận được lá thư duy nhất của tôi gửi về từ Yên Bái. Nhà tôi nảy ra ý: Nếu nhà đi vượt biên thì bao giờ tôi mới được ra tù? Vì vậy vào giờ chót nhà tôi ở lại. Cũng may tối hôm đó, thằng con trai lên cơn sốt, nó bị sung màng óc. Số nó còn hên, nên được cứu chữa kịp thời.

Có một bạn tôi, bác sĩ Đ.H.Đ làm ở Châu Đốc. Anh bị sắp cho đi tù vì bị kết tội là cố tình mỗ chết một cán bộ. Nhà tôi cho anh hay và nói anh khai bệnh để chuyển từ Châu Đốc xuống Long Xuyên để nhà tôi gấp rút chuyển anh về Bệnh Viện Bình Dân vì quá khả năng điều trị. Trước khi đi anh kịp thời bảo nhà tôi "chị ráng lo cho thằng Bình, chớ không thì nó sẽ chết ngoài Bắc" Anh cho nhà tôi địa chỉ của bạn cùng lớp, BS N.V.Tr, anh này là em Thứ Trưởng Bộ Y Tế, Sáu Cương.

Nhà tôi liền lên gặp anh Tr và Sáu Cương. Ông này nói thẳng "Ai tôi cũng muốn xin về để phục vụ ngành y tế rất thiếu bác sĩ, nhưng vừa lãnh xong, vừa về, thì hôm sau lại đi vượt biên tuốt luốt. Coi kia, Bác sĩ T.Ph.L cũng là bạn của Tr và chồng cô, tôi lãnh về xong thì cũng vượt biên mất rồi. Vậy cô có bảo đảm với tôi rằng nếu được lãnh ra về, anh Bình và cô có hứa sẽ ở lại phục vụ hay không?"

Nhà tôi trả lời ngay tức thì "danh dự không cho phép tôi hứa những gì trong tương lai thời thế không cho tôi giữ được."

Quả là câu trả lời quá bộc trực của dân miền Nam. Ông Sáu Cương cảm thông và đích thân viết một đơn xin lãnh chồng và đưa cho nhà tôi ký.

Vừa về lại Long Xuyên thì có một cô em đến cho nhà tôi hay: “Em mới vừa thăm ba em ở tù ngoài Bắc vừa về. Ba em cho biết Bác Sĩ Bình đang ở cùng trại với ba em, và Bác Sĩ Bình bệnh rất nặng. Bà bác sĩ đi thăm mau đi, kéo không kịp.”

Tin này loan ra mau, rất nhiều người thân đến giúp nhà tôi chuẩn bị đồ đạc để gấp rút ra thăm tôi. Cùng lúc trong bệnh viện có một bệnh nhân già bị thổ huyết nặng vì loét bao tử. Nhà tôi mở khẩn cấp. Hôm sau trước khi về Sài Gòn để ra Bắc, nhà tôi vào bệnh viện hậu phẫu thăm ông. Con ông cảm ơn nhà tôi: “Nghe nói bác sĩ sắp ra thăm ông ở ngoài Bắc, tôi có thể giúp bác sĩ mua vé máy bay.” Thời buổi này mà đòi đi thăm chồng bằng máy bay thì chuyện không tưởng, nhà tôi không chú ý lắm. Cho đến khi đến ga xe lửa Sài Gòn mua giấy, thì được bảo rằng phải đăng ký một tuần lễ mới có vé, nhà tôi mới đến nhờ mua vé máy bay, và mua được 2 giấy cho cả hai mẹ con ra Bắc.

Hôm sau nhà tôi và thằng con trai được cô B, một bệnh nhân cũ đến đưa ra phi trường. Tại đây công an đòi phải xuất trình thẻ công nhân vì trên vé máy bay ghi tên nhà tôi là công nhân công ty xăng dầu đi công tác ở Hà Nội. Cô B liền bảo nhà tôi đứng chờ, cô chạy lên lầu và trở xuống với một cán bộ. Ông này là cháu của cô và cũng là trưởng công an phi trường. Ông can thiệp cho nhà tôi được lên phi cơ. Phi cơ rất dơ và chở toán người ngoại quốc, có lẽ là người Liên Xô.

Đến phi trường Nội Bài cũng hơn 9 giờ tối. Phi trường rất tối và đe dọa. Trên xe ca về Hà Nội có 2 thanh niên trẻ măng mặc quần áo bộ đội, 2 em giúp nhà tôi cất đồ đạc lên xe, vì quá nặng nề cho mẹ con nhà tôi. Nhân tiện nhà tôi nhờ hai em xem 2 địa chỉ nhà tôi được giới thiệu để tá túc trong thời gian thăm tôi, và coi nơi nào thích hợp nhất.

Xem xong, hai em nói “địa chỉ thứ nhất thì ở giữa Thủ đô, nhưng ở tận tầng 5, không tiện, vì khi chढ़ lên đến đó và trở xuống thì đồ đạc bị chúng khuân đi mất rồi. Địa chỉ thứ hai thì ở ven đô thành, tiện hơn và phải đi xe hơi”

Hai em phụ chất đồ lên xe lôi, một loại cyclo như trong Nam, nhưng không có gôi có đệm.

Nhà tôi gọi hai em một chút tiền để dùng café, hai em tuyệt nhiên từ chối: “2 em giúp chị vì thấy đồ đạc quá nặng nề, thể thôi.”

Nhà tôi đến nơi, thì đây là một ngấn nhà rất nhỏ, phía trước chung bán tạp hóa, phía sau là một cái phản để làm giường ngủ. Anh chủ nhà bảo: “Cô là bạn của cô Minh nhờ chúng tôi giúp đỡ. Như cô thấy chỗ chúng tôi quá chật. Thật tình nếu cô không ngại, chúng tôi sẽ đưa cô đến một người bà con ở ngoại ô, cô có thể tá túc được?”

Ông mới cho một em bé gái đạp xe hướng dẫn bác xe lôi chở mẹ con nhà tôi đến Ngã Tư Sở (về sau chúng tôi cố tìm đến để tạ ơn thì không thể tìm ra, Hà Nội biến đổi quá nhanh). Nơi đây là một nhà xưa, có 2 chái. Chủ nhà vui vẻ cho trú ngụ. Nhà giữa thì có 2 phản cho 2 vợ chồng và 2 con. Bà cụ của chủ nhà ở 1 chái, bên chái kia thì vợ chồng em chủ nhà ở.

Hai đưa con bị đuổi đi sang qua ở bên chái của vợ chồng người em, để chỗ cho mẹ con nhà tôi. Khoảng 1 giờ đêm, nhà tôi nghe lục đục ở trước và tiếng xì xầm. Ông chủ nhà làm ca đêm vừa về. Sáng ra anh chủ nhà cũng tên Tường trùng tên với nhà tôi bảo: “Cô ra thăm chú ấy ở Phủ Lý, đồ đạc nhiều quá, chuyên chở bất tiện, nếu cô không gấp thì chờ tôi vào sở xin phép nghỉ, ngày mai tôi chở giúp cô vào thăm.”

Hôm sau ông cùng người em rể và một người bạn chở vợ con tôi vào trại Mễ. Tới nơi, sau khi chờ đợi khá lâu, thì được cho biết không có giấy phép thăm nuôi thì họ không cho thăm. Anh Tường phải năn nỉ mãi thì mới được cho biết tôi không còn ở trại Mễ nữa và đã được chuyển vào trại A Nam Hà.

Anh Tường bảo: Trại A ở đường đi Chi Nê, nhiều đồi dốc khó khăn, cô và cháu chịu khó ghì chặt, mình ráng vào cho kịp giờ. Khổ nhọc lắm chúng tôi cũng đến được trại A, để được cho biết đã hết giờ thăm nuôi. Anh Tường lại năn nỉ: “Cô em tôi ra thăm chú ấy, tôi phải nghỉ phép để đưa cô. Xin đồng chí thông cảm cho cô thăm chú.”

Nhưng vô ích.

Nhà tôi quá mệt mỏi và thất vọng, ngồi bẹp xuống đất, nón lá che đầu. Một công an trẻ đến khều trên nón lá, và ngoắc nhà tôi đến một góc phòng. Tưởng là họ muốn làm tiền, nhà tôi đến và được hỏi nhỏ: “Phải nhà chị có tên Nguyễn Vĩnh Bình không? Anh ấy được thả rồi.”

Nhà tôi mừng quá cho anh Tường hay, đồng thời nói với anh công an trẻ: Cho tôi tặng lại anh các gói hàng này, tôi không rinh về được”. Anh công an trẻ vội nói: “Áy chết, tôi mà nhận, bọn họ biết tôi cho chị tin, thì tôi chết với họ.”

Chúng tôi lại trở về Hà Nội. Anh Tường đưa nhà tôi lên Bộ Cải Tạo để xác nhận tin tôi được thả về. Nơi đây bảo tuần sau trở lại sẽ có kết quả. Suốt thời gian chờ đợi, chị Tường đưa nhà tôi đi quanh Hà Nội. Một hôm chị bảo: “Hôm nay cô Tường và cháu đi thăm viếng lăng Bác nhé.” Nhà tôi chối từ, “Áy, mình đi để được mua mỗi người một mẫu bánh mì giá rẻ, cơ.”

À thì ra thế, người ta bỏ ra một ổ bánh mì rẻ tiền để dựng được huyền thoại lòng sùng kính của quần chúng với lãnh tụ vĩ đại, và để tha hồ tuyên truyền với toàn dân thế giới.

Tuần lễ đã qua, anh Tường và nhà tôi trở lại Bộ Cải tạo và được xác nhận tin tôi đã được thả.

Trên đường đi “đăng ký” vé máy bay, anh Tường nói: “Tôi khuyên, có chú ấy được về, cô chú sớm tìm đường ra nước ngoài. Tôi thấy cháu kháu khỉnh tôi thương quá, cháu sẽ không được đi học, không có một tương lai trong xã hội này,” Anh Tường khuyên thành thật. Về sau chúng tôi được tin buồn, anh Tường và con trai bị bắt khi tìm đường vượt biên ở Hải Phòng.

Trong xã hội độc tài, nhà tù mà chúng tôi sống qua được là cũng nhờ vào lòng tốt, và tình người cả trong Nam lẫn ngoài Bắc. Trong gian nan khốn khó, lòng nhân đạo được cảm nhận sâu xa và đầy đủ nhất. Chúng tôi là những nhân chứng sống.

XIV-Một chuyến ra đi.

Về lại Sài Gòn, chúng tôi quyết định, tôi sẽ ở lại cùng với ba má nhà tôi, và nhà tôi tiếp tục làm việc ở Long Xuyên, để tiện việc lo vượt biên.

Tháng 4/1980, chúng tôi được cô Giám Mục (N.K.Ng) Long Xuyên sắp xếp cho đi vượt biên cùng với tổ chức của ông S. Ông

này đã tổ chức thành công nhiều chuyến. Chuyến này là chuyến chót. Ông đem hết gia đình trên 2 chiếc ghe chở khoảng 210 người. Chúng tôi ra đi vào cuối tháng Tư. Ngày trước có tin bão cấp 4. Sáng ngày đi, trời còn âm u và mưa lất phất. Chúng tôi chuyển xuống ghe lớn an toàn, và sau 2 ngày 2 đêm chúng tôi tới Khlong Giai, tỉnh Thái ở sát biên giới Cao Miên. Chúng tôi vào trại ty nạn Liêm Sinh.

Chúng tôi bị trở ngại khi đi phỏng vấn với phái đoàn INS. Chị hai của nhà tôi hình dáng nhỏ thó rất khác với nhà tôi, quá nhút nhát không chịu trả lời phỏng vấn viên, nên hồ sơ ty nạn bị xếp lại. Cũng may, nhờ có một nhân viên tòa Đại sứ Mỹ ở Bangkok chuyển gia đình chúng tôi về trại Lumfuini ở Bangkok. Tại đây, một cô tình nguyện viên làm thân với nhà tôi, và dẫn ông chồng đến gặp chúng tôi. Ông này là người phụ trách toàn chương trình định cư của Mỹ ở Thái Lan.

Ông đã giúp chúng tôi nhanh chóng hoàn tất thủ tục để định cư ở Mỹ. Lại một lần nữa, gia đình chúng tôi đón nhận lòng tốt và nhiều sự giúp đỡ trên đường đi ty nạn từ nhiều người, thân, lạ, đều có đủ.

Đầu tháng giêng 1981, 11 giờ đêm, phi cơ phản lực American Airway cất cánh, đem chúng tôi lên cao dần, nhìn qua khung cửa, ánh đèn thành phố mờ dần, một quãng đời tôi cũng lùi vào quá khứ, một nỗi buồn man mác tràn dâng trong lòng tôi. Phi cơ càng lên cao, ánh trăng bàng bạc soi sang không trung, lòng tôi thâm cảm tạ ơn Chúa, và tri ân lòng tốt và tình người mà nhiều thân, bạn hữu và ân nhân đã tặng cho chúng tôi.

Một vài đám mây nhẹ nhàng trôi, tôi tự nhủ cố gắng sống cho phải đạo để đáp ứng phần nào nghĩa tình mà tôi chắc chắn rồi đây trong khoảng thời gian còn lại, nơi chân trời xa lạ chúng tôi sẽ tiếp tục đón nhận.

Con tàu tiếp tục phi đạo vào không gian vô tận, không gian của Tự Do và Tình Người.
